

Bản án số: **1177/2019/KDTM-ST**

Ngày: 18/9/2019

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phú

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Thành Thông
2. Bà Lê Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Trinh, Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Thân Trọng Minh Phương, Kiểm sát viên

Trong các ngày 05 và 18 tháng 9 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2017/TLST-KDTM ngày 13 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng đại lý (nay được xác định lại là hợp đồng mua bán hàng hóa) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3170/2019/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty W (Singapore)

Địa chỉ liên lạc: Saigon Centre, số 65 Lê Lợi, Quận 1, TPHCM

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Q.V.A.K., đại diện theo ủy quyền (GUQ số 112016-PoA ngày 15/11/2016) (Có mặt)

Bị đơn: Công ty V (Hong Kong – Trung Quốc)

Địa chỉ VPĐD: Tòa nhà Vincom Đồng Khởi, Quận 1, TPHCM

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông N.M.T., đại diện theo ủy quyền (GUQ ngày 14/4/2017) (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty TNHH TMDV T

Địa chỉ: Quận Bình Thạnh, TPHCM

+ Công ty TNHH I

Địa chỉ: Quận 1, TPHCM

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2016, ngày 28/9/2007, Công ty W (Singapore) và Công ty V (Hồng Kông – Trung Quốc) đã ký kết hợp đồng đại lý môi giới, phân phối máy công nghiệp. Theo đó, V sẽ là đại lý môi giới kiêm phân phối các sản phẩm của W tại Việt Nam.

Ngày 25/9/2009, được sự môi giới của đại lý là V, W đã trực tiếp ký tiếp 3 hợp đồng bán máy công nghiệp cho một công ty tại Việt Nam là Công ty TNHH TMDV T. Tổng trị giá của 3 hợp đồng mua bán nói trên là 792.000 EUR, cụ thể:

- Hợp đồng số 0109/THIKY-WS (Vận đơn số COSU4501296970 ngày 15/10/2009): Mua bán 1 máy Wirtgen Cold Recycler, Model: WR 2400, Xuất xứ: Germany, trị giá: 589.000 EUR.

- Hợp đồng số 0209/THIKY-WS (Vận đơn số DEHOF09110113 ngày 17/10/2009): Mua bán 1 máy Hamm Compactor, Model: 3520, Xuất xứ: Germany, trị giá: 93.000 EUR.

- Hợp đồng số 0309/THIKY-WS (Vận đơn số SGSIN709100047 ngày 29/10/2009): Mua bán 1 máy Streumaster Binding Agent Spreader, Model: SW16MC, Xuất xứ: Germany, trị giá: 110.000 EUR.

Sau khi hàng hóa được giao nhận tại cảng đến, W đã lần lượt gửi các hóa đơn thương mại yêu cầu thanh toán.

Ngày 03/4/2014, V gửi email cho W đề nghị được thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho T, theo đó, V đề nghị W gửi lại 3 hợp đồng đã ký để V làm thủ tục thanh toán Đợt 1 số tiền là 132.000 EUR và ngày 08/4/2014, V đã chuyển khoản số tiền này cho W.

Ngày 01/8/2014, V tiếp tục gửi email cho W thông báo việc thanh toán Đợt 2 sẽ được thực hiện trong tháng 8/2014 và ngày 13/8/2014, V đã chuyển khoản Đợt 2 số tiền 132.000 EUR cho W.

Ngày 21/11/2014, V tiếp tục gửi email cho W thông báo việc thanh toán Đợt 3 sẽ được thực hiện trong thời gian sớm nhất và ngày 02/12/2014, V đã chuyển khoản Đợt 3 số tiền 132.000 EUR cho W.

Kể từ sau ngày 02/12/2014, đến thời điểm W khởi kiện, V không tiến hành thanh toán thêm bất kỳ đợt nào khác cho W. Số tiền hàng còn lại chưa thanh toán là 396.000 EUR.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn lại là 396.000 EUR.

Ngày 31/5/2017, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong đó yêu cầu Tòa án buộc T và Công ty TNHH I (là bên đang chiếm hữu, khai thác và sử dụng số máy cơ giới được mua bán giữa nguyên đơn và T) cùng có nghĩa vụ liên đới với bị đơn trong việc trả hết số nợ còn lại là 9.551.520.000 đồng (tương đương 396.000 EUR) cho nguyên đơn.

- Bị đơn trình bày:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bị đơn không phải là bên mua hàng của nguyên đơn và cũng không có thỏa thuận trả nợ cho nguyên đơn thay cho bên mua hàng là T như nguyên đơn trình bày. Sở dĩ trước đây bị đơn có chuyển tiền thanh toán cho các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và T là do bị đơn có thỏa thuận cho T vay tiền để thanh toán cho nguyên đơn và bị đơn đã chuyển tiền cho vay vào tài khoản của nguyên đơn theo yêu cầu của T chứ không phải theo cam kết trả nợ thay của bị đơn với nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do các bên đương sự không có mặt đầy đủ.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Xác định lại quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các bên là quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa (không phải hợp đồng đại lý như trong Đơn khởi kiện đã nêu) và xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu bị đơn và T cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán ngay cho nguyên đơn số tiền mua hàng còn nợ phát sinh từ các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và T là 396.000 EUR.

Nguyên đơn không có yêu cầu đối với Công ty TNHH I (là bên đang chiếm hữu, sử dụng số máy cơ giới mà T đã mua của nguyên đơn).

Căn cứ để nguyên đơn đưa ra yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn là sự thỏa thuận của bị đơn nhận chuyển giao nghĩa vụ thanh toán từ T sang bị đơn. Chứng cứ chứng minh cho sự thỏa thuận này là các thư điện tử trao đổi giữa nguyên đơn và bị đơn (từ tháng 02 đến tháng 12 năm 2014) về việc thanh toán cho các hợp đồng mua bán hàng hóa nói trên.

Căn cứ để nguyên đơn đưa ra yêu cầu khởi kiện đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan T là nghĩa vụ của T với tư cách là bên mua trong các hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký giữa nguyên đơn và T và sự từ chối nghĩa vụ thanh toán của bị đơn với tư cách là bên nhận chuyển giao nghĩa vụ từ T. Chứng cứ chứng minh cho nghĩa vụ của T là các hợp đồng mua bán hàng hóa có liên quan đã giao nộp cho Tòa án và các văn bản trình bày ý kiến của bị đơn tại Tòa án.

- Bị đơn: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn vì yêu cầu này không có căn cứ (với các lý do cụ thể đã trình bày ở trên). Về các thư điện tử mà nguyên đơn viện dẫn để chứng minh cho sự thỏa

thuận chuyển giao nghĩa vụ thanh toán từ T sang bị đơn, đại diện bị đơn không xác nhận nội dung cũng như người gửi các thư này mà chỉ xác nhận có cho T vay tiền để thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn theo Thỏa thuận cho vay giữa bị đơn và T mà bị đơn đã giao nộp cho Tòa án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử thì chưa đúng theo quy định.

+ Đại diện các đương sự có ủy quyền hợp lệ trong việc tham gia tố tụng.

+ Về yêu cầu của nguyên đơn:

Các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án (gồm hóa đơn; vận đơn; thư điện tử ...) không đủ căn cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Riêng yêu cầu của nguyên đơn đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan T cũng không có cơ sở để xem xét.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án:

[1.1] Khi thụ lý vụ án, căn cứ vào Đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các bên là quan hệ hợp đồng đại lý. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn về căn cứ làm phát sinh yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các bên là quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa (không phải hợp đồng đại lý như Đơn khởi kiện đã trình bày).

[1.2] Do nguyên đơn là một công ty ở nước ngoài, nơi thực hiện hợp đồng (Cảng dỡ hàng) tại TPHCM nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, điểm a Khoản 1 Điều 37, điểm g Khoản 1 Điều 40, điểm đ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TPHCM theo thủ tục tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn phải có trách nhiệm liên đới (cùng bên mua hàng là T) thanh toán ngay cho nguyên đơn số

tiền mua hàng còn nợ phát sinh từ các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và T là 396.000 EUR:

Nguyên đơn trình bày căn cứ của yêu cầu khởi kiện nói trên đối với bị đơn là sự thỏa thuận của bị đơn nhận chuyển giao nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn từ bên mua là T và chứng cứ chứng minh cho sự thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ này là các thư điện tử trao đổi giữa nguyên đơn và bị đơn (trong khoảng thời gian từ tháng 02 đến tháng 12 năm 2014) về việc thanh toán cho các hợp đồng mua bán hàng hóa nói trên (được nguyên đơn in ra giấy và xuất trình cho Tòa án).

Tuy nhiên, các thư điện tử mà nguyên đơn viện dẫn nói trên không có chữ ký điện tử của người gửi kèm theo và tổ chức giám định được Tòa án trưng cầu giám định theo yêu cầu của nguyên đơn là Phân viện Khoa học hình sự tại TPHCM đã có Kết luận giám định số 127/C09B ngày 14/01/2019 nêu rõ: “Không đủ cơ sở để kết luận giám định xác thực về nội dung, người gửi, người nhận và thời gian gửi đối với 13 tập tin có nội dung thư điện tử cần giám định”. Trong khi đó, đại diện bị đơn cũng không xác nhận nội dung cũng như người gửi các thông điệp dữ liệu này. Căn cứ vào quy định tại các điều 13, 14 và 24 của Luật Giao dịch điện tử năm 2005, các thư điện tử nói trên không có giá trị chứng cứ để chứng minh có sự thỏa thuận về việc chuyển giao nghĩa vụ thanh toán từ bên mua hàng là T sang bị đơn mà nguyên đơn đã căn cứ vào đó để đưa ra yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn.

Do đó, yêu cầu khởi kiện nói trên của nguyên đơn đối với bị đơn là không có căn cứ để được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là T phải có trách nhiệm liên đới (cùng với bị đơn) thanh toán ngay cho nguyên đơn số tiền mua hàng còn nợ phát sinh từ các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và T là 396.000 EUR:

Trong Đơn khởi kiện ban đầu gửi Tòa án, nguyên đơn hoàn toàn không có yêu cầu đối với T mà chỉ có yêu cầu đối với bị đơn là V (bên ký hợp đồng đại lý môi giới với nguyên đơn). Sau khi thụ lý vụ án vào ngày 13/3/2017, đến ngày 31/5/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn mới yêu cầu đưa T (là bên mua hàng trong hợp đồng mua bán hàng hóa ký giữa nguyên đơn và T) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với T, yêu cầu Tòa án buộc T phải có trách nhiệm liên đới (cùng với bị đơn) thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng còn nợ là 396.000 EUR (tương đương 9.551.520.000 đồng). Yêu cầu bổ sung này của nguyên đơn đã vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu được xác định trong Đơn khởi kiện và đã được Tòa án thông báo trong Thông báo thụ lý vụ án.

Do đó, để bảo đảm quyền tranh tụng, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là T và quyết định chỉ xét xử yêu cầu này để nguyên đơn có quyền khởi kiện T, yêu cầu Tòa

án hoặc Trọng tài có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong một vụ tranh chấp khác.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 1 Điều 6 và Khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền yêu cầu không được Tòa án chấp nhận 396.000 EUR (tương đương 9.551.520.000 đồng).

- Nguyên đơn tự chịu chi phí giám định (đã nộp tạm ứng) theo Đơn yêu cầu trưng cầu giám định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 13, 14 và 24 của Luật Giao dịch điện tử năm 2005;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn là Công ty V phải có trách nhiệm liên đới (cùng với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T) thanh toán cho Công ty W số tiền mua hàng còn nợ phát sinh từ các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty W và Công ty T là 396.000 EUR.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T phải có trách nhiệm liên đới (cùng với Công ty V) thanh toán cho Công ty W số tiền mua hàng còn nợ phát sinh từ các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty W và Công ty T là 396.000 EUR.

3. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Công ty W phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **117.551.000** (một trăm mười bảy triệu năm trăm năm mươi một ngàn) đồng; căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 58.776.000 đồng (theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0033733 ngày 10/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự TPHCM), Công ty W còn phải nộp thêm **58.775.000** đồng.

- Công ty W tự nguyện chịu chi phí giám định đã nộp tạm ứng (theo Phiếu thu số 318 ngày 12/6/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại TPHCM) là 1.830.000 đồng.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn:

- 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt.

- 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Phú